

LỜI TRÁCH QUA VAI GIAO TIẾP NAM VÀ NỮ TRONG CA DAO TÌNH YÊU

Đỗ Thị Kim Liên*

1. Tiểu dẫn

Ca dao là kho tàng văn học dân gian của người Việt. Trong ca dao có thể có nhiều chủ đề khác nhau: tình yêu nam nữ, hôn nhân, sản xuất, ca ngợi quê hương đất nước, sản vật... trong đó chủ đề tình yêu nam nữ chiếm một số lượng khá lớn. Nói đến tình yêu là nói đến các cung bậc tình cảm: giận hờn, trách cứ, thề nguyện, hứa hẹn, mong mỏi, sầu thương, buồn nhớ... Vì vậy, có nhiều bài viết đề cập đến những cung bậc tình cảm trong ca dao. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập đến *lời trách* qua vai giao tiếp nam và nữ trong ca dao.

Về nghĩa của động từ *trách*, *Từ điển tiếng Việt* có ghi: “**Trách** đg. Tỏ lời không bằng lòng về người có quan hệ gần gũi nào đó, cho là đã có hành vi, thái độ không đúng, không hay, không tốt với mình hoặc có liên quan đến mình. *Trách khéo. Tự trách mình. Than thân trách phận* (tr.984). Như vậy, người nói sử dụng động từ *trách* không phải hướng đến mọi đối tượng chung chung mà là những người có quan hệ gần gũi, nào đó.

2. Nhận diện động từ miêu tả và động từ ngữ vi

Trong các câu ca dao nói về tình yêu nam nữ, chúng tôi thường gặp động từ *trách* là động từ ngữ vi. Sở dĩ chúng tôi xếp chúng là động từ thuộc nhóm ngữ vi vì chúng có các đặc điểm:

- Người nói luôn ở ngôi thứ nhất số ít, còn người nghe luôn ở ngôi thứ hai số ít.
- Động từ luôn ở thời hiện tại.

Sở dĩ có những điều kiện này là vì khi nói ra động từ *trách* thì người nói cũng là người thực hiện luôn cái hành động *trách* này đối với người nghe. Người nghe cảm thấy mình bị tổn thất về thể diện.

- Trước động từ không có phụ từ tình thái. Trong hành chức, ta có thể gặp một số phụ từ đứng trước động từ như: *đã sẽ, đang, không, chưa* chẳng... Ngay như phụ từ *đang*, theo quan điểm của các nhà ngôn ngữ học truyền thống, là phụ từ đi trước động từ chỉ thời gian hiện tại, ví dụ: *Em đang ăn cơm* là nói đến sự tình ai đó thực hiện hành động *ăn cơm* ở thời gian hiện tại. Nhưng trong ví dụ: *Tôi đang trách anh không giữ lời hứa đấy* thì

* Đại học Vinh.

phát ngôn này chứa động từ *trách* là động từ miêu tả, bởi vì, người nói thuật lại hành động *trách* đã diễn ra trước thời điểm nói.

Trong 165 câu ca dao mà chúng tôi thống kê được thì có 93 câu chứa động từ *trách* là động từ ngữ vi, còn lại 72 câu chứa động từ *trách* là động từ miêu tả.

Ví dụ (1): *Trách* chàng ăn ở chấp chành, Em như thuyền thúng lênh đênh giữa dòng (KTCDNV, tr.2331) thì đây là phát ngôn ngữ vi có chứa động từ ngữ vi *trách*, vì người nói xưng là *em* (ngôi thứ nhất) trong quan hệ với người nghe ngôi thứ hai (*anh*) đồng thời cũng là người thực hiện hành động *trách*; động từ *trách* ở thời hiện tại; trước động từ *trách* không có phụ từ tình thái.

Ví dụ (2): *Trách* con gà gáy vô tình, Chưa vui sum họp đã đành chia phôi (KTCDNV, tr.2332) thì đây là phát ngôn miêu tả, vì chứa động từ *trách* là động từ miêu tả, đối tượng tiếp nhận hành động *trách* không phải ở ngôi thứ hai mà sự tình được nói đến là *con gà gáy* (biểu tượng thời gian) ở ngôi thứ ba, số ít.

Trong tục ngữ, động từ *trách* chỉ xuất hiện ở 5 câu trên tổng số 3000¹ câu tục ngữ, và chủ yếu cũng là động từ miêu tả, mà không phải là động từ ngữ vi. Chẳng hạn, câu *Trách* mình trước, trách người sau/ *Trách* người một *trách* ta mười, bởi ta bạc trước cho người tệ sau/ *Trách* ông Bạch Mã ngã ông Ba Vì/ *Trách* thiếu không ai trách biếu/ *Trách* tiếng nói không ai *trách* đôi lòng (KTTNNV, tr.2672) là 5 câu tục ngữ chứa nội dung thông tin và đích tác động hướng đến cho mọi người nói chung, không hướng đến người nghe trực tiếp ngôi thứ hai. Vì thế, câu tục ngữ này mang thông tin thuộc về nhận thức cho mọi đối tượng, dù là trẻ già, trai gái.

Như vậy, cấu trúc tổng quát của biểu thức ngữ vi chứa động từ *trách* là:

$$\boxed{\text{SP1} - \text{V}(\text{trách}) - \text{SP2} - \text{P}^2}$$

Ví dụ (3): *Trách* trời sao lại mưa dông, *Trách* em sao vội lấy chồng bỏ anh.

(KTCDNV, tr.2233)

Trong câu này, *anh* là người nói (SP1), *em* là người nghe (SP2), *trách* là V, *em vội lấy chồng, bỏ anh* là P.

Tuy nhiên, trong những ngữ cảnh nhất định, nhờ có những nhân tố khác (nhờ phát ngôn đứng trước, sự hiểu biết lẫn nhau giữa các vai giao tiếp) có thể tỉnh lược vai nói, vai nghe, hoặc nội dung mệnh đề P. Sau đây, chúng tôi đề cập đến nhân tố SP1, SP2 và nội dung mệnh đề P.

3. Vai giao tiếp nam và nữ trong ca dao

3.1. Về vai trao lời trách

Về vai trao lời trách, trong 165 câu ca dao mà chúng tôi sưu tầm có động từ *trách* xuất hiện, chúng tôi thấy nổi lên những dấu hiệu nhận diện vai giao tiếp sau:

¹ Nguyễn Xuân Kính, *Kho tàng tục ngữ người Việt*, NXB Văn hóa-Thông tin, 1999, tr.

² SP1, 2 là Speaker (vai nói, vai nghe); V là Verb (động từ), P là Proposition (nội dung mệnh đề).

Tổng số	Vai nữ	Vai nam	Không có từ chỉ vai nam hay nữ xuất hiện nhưng nhờ nội dung lời hát có thể suy ra vai nữ hay nam		Không xác định nam hoặc nữ ¹
			Nữ	nam	
165 100%	51 30,9%	20 12,0%	18 10,9%	4 24,0%	72 43,6%

Bảng so sánh trên cho thấy vai nữ thường thực hiện hành động *trách* nhiều hơn vai nam. Trong tổng số 165 hành động *trách* xuất hiện thì có 72 lần chiếm 43,6% không phân biệt vai nam hay nữ. Trong số còn lại thì nữ sử dụng 69 hành động *trách*, chiếm 41,8%, còn nam chỉ sử dụng 22 lần hành động *trách*, chiếm 14,4%. Như vậy, nữ sử dụng hành động *trách* nhiều gấp ba lần so với nam giới. Con số này nói lên rằng, phụ nữ xưa chịu nhiều thiệt thòi hơn nam giới nên đã sử dụng hành động *trách* nhiều hơn.

So với tư liệu của Nguyễn Thị Mai Hoa, khi nghiên cứu các hành động nói chung trong *Hát ví phường vải Nghệ Tĩnh*, thì hành động có chứa động từ *trách* xuất hiện tương minh trên bề mặt phát ngôn ở lời nữ là 45 lời, chiếm 4,6% và lời nam là 29 lời, chiếm 3,8%, còn lại 25 lời, chiếm 16% là không xác định vai nam hay nữ². Số liệu này một lần nữa cho chúng ta kết luận, ở thể hát ví là thể hát đối đáp trực tiếp giữa bên nam và bên nữ thì nữ giới cũng sử dụng hành động *trách* nhiều hơn nam giới.

3.2. Về cách sử dụng từ xưng hô của mỗi giới

3.2.1. Vai giao tiếp nữ

Trong các phát ngôn chứa động từ *trách*, có thể có ba dạng: có sử dụng từ xưng hô chỉ vai hát là nam hoặc nữ; không có từ xưng hô nhưng dựa vào nội dung lời hát, có thể suy ra là lời nam hoặc nữ; và dạng không có từ xưng hô nam hoặc nữ mà có thể tùy ngữ cảnh, vai hát mà suy ra là lời nam hoặc nữ. Chúng tôi gọi dạng thứ ba này là không phân biệt vai giao tiếp nam hoặc nữ, nhưng đích tác động thì bộc lộ rõ là hướng đến ai.

a. Có dùng từ xưng hô chỉ vai giao tiếp nữ

Dù là vai nam và nữ thì họ cũng sử dụng từ xưng hô đơn lẻ hay xuất hiện thành cặp tương tác với vai nghe, tuy vậy, vì số lượng lời *trách* của nữ nhiều hơn nam, cho nên số lượng từ xưng hô chỉ vai nữ cũng phong phú hơn. Từ xưng hô của vai nữ (cũng là người đưa ra lời *trách* cứ người nghe) có các từ: *thiếp*, *em*, *tôi*... hoặc xuất hiện thành cặp tương tác với vai nam: *thiếp/ai*; *em/ai*; *em/anh*; *tôi/chồng tôi*; *thiếp chàng*; *tôi/ai*...

- *Thiếp/ai*: Trách ai xiêm bở ngoài tai, Làm cho *thiếp* chịu trần ai một mình.

- *Em/ai*: Trách ai cầm quạt che đèn, Không cho *em* thấy lạ quen em chào.

¹ Ca dao ra đời lúc đầu với mục đích là thể hát đối đáp. Vì thế, chúng có tính khuôn mẫu, ai hát thì đó là vai nam hoặc nữ.

² Nguyễn Thị Mai Hoa, *Đặc điểm ngôn ngữ giới tính trong Hát ví phường vải Nghệ Tĩnh*, Luận án Tiến sỹ Ngữ văn, 2010, tr.126.

- *Em/chàng*: Trách chàng ăn ở chắp chên, Em như thuyền thúng lênh đênh giữa dòng.
- *Tôi/ ai*: Trách ai đón chợ ngăn sông, Cho hàng *tôi* ế cho *chồng* tôi xa.
- *Thiếp/ai*: Trách ai rập ngỗ rào đường, Cho *thiếp* xa *chàng* tội nghiệp hỡi ai.

Tuy nhiên, trong thực tế, từ xưng hô có thể được xét trong quan hệ với người nghe nhưng cũng có thể quan hệ gián tiếp với người liên đới, vì thế, trong lời hát có khi xuất hiện đồng thời nhiều quan hệ. Chúng ta thường gặp nhất là dạng có đồng thời hai quan hệ hoặc ba quan hệ.

Hai quan hệ: *tôi/ai* và *em/anh*:

Ví dụ (4):

Trách *ai* bày vẽ cho Tây,
Sinh ra lính tập thế này, Trời ơi!
Ai mà bắt lính chồng *tôi*,
Tháng ngày chả biết nước người đâu xa
Lấy *ai* phụng dưỡng mẹ già,
Trông nom con trẻ ở nhà cho *tôi*
Anh đi biệt phương trời,
Ở nhà *em* biết vui cười với *ai* [3, tr.2318]

Hoặc ba quan hệ:

Ví dụ (5): *Trách* trời, *trách* mẹ *trách* cha, Cớ chi lại để đôi ta muộn màng. [3, tr.2324]

Ở câu trên, vai nói xét mình trong ba quan hệ khác nhau: *trời*, *mẹ*, *cha* là những tác nhân, theo người hát, gây ra sự trắc trở trong tình yêu của đôi lứa.

b. Không dùng từ xưng hô chỉ vai giao tiếp là nam hay nữ

Trong ca dao, ta còn gặp trường hợp không dùng từ xưng hô chỉ vai giao tiếp là nam hay nữ nhưng dựa vào nội dung ngữ nghĩa trong lời trách, có thể suy ra vai hát là nữ. Có thể thấy hiện tượng này qua một số ví dụ: *Trách* ai đặt cá quên nơm, Để tôi đứt ruột trong con hội này/ *Trách* ai đặt cá quên nơm, Đặt chim bẻ ná quên đi hận thù/*Trách* ai đem khóa rẽ chìa, Vu oan giá họa mình là tôi ra..., hoặc: *Trách* ai lòng dạ đổi thay, Hồng này để thôi, cốm này để thiêu...

Có thể dựa vào nội dung đứng sau hành động *trách* để nhận ra lời trách móc là do người con gái, vì chủ nhân sử dụng công cụ: *ná/ chim, cá/ nơm, khóa/ chìa, sự đổi thay đưa đến hồng thôi, cốm thiêu* là do người con trai thực hiện.

3.2.2. Vai giao tiếp nam

Như đã trình bày qua bảng số liệu trên, vai nam sử dụng hành động *trách* không nhiều, chỉ có 22 động từ. Khác với nữ, vai nam thường sử dụng để chỉ vai nói nhiều nhất là từ *anh*, hoặc xuất hiện thành cặp với từ *em*.

- *anh/em*

Ví dụ (6):

Trách ai làm đứt chỉ gãy kim,
Để em ở lại Thủ Thiêm buồn rầu .
Thôi thôi lấp thắm giả sầu,
Vợ chồng ta không đặng giải sầu thì thôi.
Đau lòng anh lắm, em ôi!,
Thà anh tự vẫn thả trôi cũng đành.

- *Anh/ai*

Ví dụ (7):

Trách ai làm lỡ nhịp cầu,
Ngày nay đành để buồn rầu cho anh,
Ít ngày đây thì anh cũng sang,
Giữ sao cho kín kéo mẹ cha lo buồn.

3.2.3. Không xác định vai nam hay nữ

Trong những câu ca dao thuộc nhóm này, vai nói (ngôi thứ nhất) không tường minh là nam hay nữ, đối tượng người nghe cũng không tường minh là nam hay nữ, mà thường có đại từ ai (phiếm chỉ) chỉ đối tượng bị trách, hay gây ra tổn thất cho người nói.

Ví dụ (7):

- Trách ai dạ thú lòng lang,
Làm cho nên nỗi thiếp chàng rẽ phân. [3, tr.2319]
- Trách ai sao khéo đặt bày,
Không dung chi có chuyện này trò kia.[3, tr.2321]

Trong những câu trên, nhờ nội dung lời hát, đối tượng bị ngăn trở là đôi trai gái (*thiếp, chàng*), không phải do lỗi *anh* hay *em* nên phần lớn những câu ca dao thuộc nhóm này đều thuộc nhóm phát ngôn miêu tả, tuy có động từ *trách*.

3.3. Về vai tiếp nhận hành động trách trong ca dao

Trong ca dao, tiếp nhận hành động trách nhiều nhất là các đối tượng ở ngôi thứ hai, tiếp đó là ngôi thứ ba. Có thể chia ra các nhóm đối tượng xét theo hệ quy chiếu lấy vai hát làm xuất phát điểm:

3.3.1. Quan hệ ngang hàng

Xét theo quan hệ ngang hàng, chúng tôi nhận thấy người nói hướng tới đối tượng người nghe không phân biệt về vị thế xã hội hay tuổi tác, giàu nghèo mà chủ yếu là quan hệ giữa nam và nữ xét theo hai quan hệ:

- Quan hệ thứ nhất: có thể dẫn đến hôn nhân nhưng bị phá vỡ (*Anh* trong quan hệ với *em*; *Chàng* trong quan hệ với *em, thiếp*), ví dụ: Trách chàng, em chẳng trách ai, Sao chàng lại bảo hoa nhài không thơm [3, tr.2325].

- Quan hệ thứ hai: quan hệ gia đình bị tổn thất (*Chồng* trong quan hệ với *vợ*; *Vợ* trong quan hệ với *chồng*), ví dụ: Trách người mau lợt mau phai, Chẳng thương vợ yếu chẳng hoài con thơ. [3, tr.2329].

3.3.2. Quan hệ không ngang hàng

Trong ca dao, có khi kẻ gây ra tổn thất đối với vai nói không trực tiếp mà gián tiếp, hoặc có khi không xác định, vì vậy người nói đã hướng tới các đối tượng gián tiếp đó.

- Trách đối tượng tâm linh là trời, duyên, phận, số: Trách *trời* chẳng trách ai đâu, Đãi kia ngần chạc giếng sâu lở chừng.

- Trách đối tượng phiếm chỉ *ai*: Trách ai đặt ra tục cưới, Oán ai đặt ra tục cheo.

- Trách đối tượng lấy từ điển tích: Trách chàng Từ Thức vụng suy, Cõi tiên chẳng ở về chi cõi trần.

- Trách con vật gần gũi - ẩn dụ về thời gian: Trách con gà gáy vô tình, Chưa vui sum họp đã đành chia phôi.

- Trách con vật để nói con người - ẩn dụ về biểu hiện tính cách: Trách lòng con nhện lằng lộn, Chỉ bao nhiêu sợi mỗi đànang mỗi giăng.

3.3.3. Trách đồng thời hai, ba đối tượng

- Trách đồng thời hai đối tượng:

Trách thân và trời: Trong tình yêu, người con trai hay người con gái vì một lý do nào đó không lấy được người mình yêu, chỉ còn biết trách mình, trách đối phương hoặc trời, ông tơ bà nguyệt, duyên, phận, số (là đối tượng tâm linh): Trách thân mà lại giận trời; Trách thân chả dám giận trời, Ba bảy năm trước chẳng gặp người ấy cho.

+ Trách trời và em: Trách trời sao lại mưa dông, Trách em sao vội lấy chồng bỏ anh.

+ Trách ông tơ và bà nguyệt: Trách ông tơ xe lơi mối chỉ, Trách bà nguyệt để lỗi tao khang.

- Trách đồng thời ba đối tượng:

+ Trách trời, trách mẹ trách cha: Trách trời, trách mẹ, trách cha, Có chi lại để đòi ta muộn màng.

+ Trách thân, trách trời và chàng quân tử: Trách thân mà lại giận trời, Trách chàng quân tử ở ra người thờ ơ!

- Trách bốn đối tượng:

Tuy bốn vai nhưng xét trong hệ quy chiếu lại ba đối tượng: Trách người một trách ta mười, trách thân lắm lắm giận trời bao nhiêu.

3.3. Nội dung hành động trách

Trong thực tế, nội dung hành động *trách* (thành tố P) thường thiên về sự tổn thất về tình cảm lẫn tổn thất về vật chất. Tuy vậy, trong ca dao, nội dung của hành động *trách* đối với người nói thường là tổn thất về tình cảm. Người gánh chịu hậu quả tổn thất là người nói, ngôi thứ nhất, còn vai gây ra sự tổn thất lại có nhiều đối tượng khác nhau. Các nội

dung trong hành động trách cũng khá đa dạng, tuy nhiên, chúng tôi có thể quy về các nội dung sau:

3.3.1. Nữ trách nam

a. Về sự phụ bạc, lòng gặt

Chiếm số lượng lớn nhất là những lời trách của vai nữ đối với vai nam về sự phụ bạc trong tình yêu, sự lòng gặt, ăn ở hai lòng, vụng về suy tính...

- Trách phụ tình, bạc tình: *Trách* ai ăn giầy bỏ bìa; *Trách* ai ăn xiêm bỏ tai, Làm cho thiếp chịu trần ai một mình; *Trách* ai vặn khóa bể chìa, Khi thương thương vội khi lìa lìa xa.

- Trách vụng về suy tính: *Trách* chàng nho sỹ học trò, Thấy sông thì lội không dò cạn sâu.

- Trách ăn ở hai lòng: *Trách* chàng ăn ở chấp chênh, Em như thuyền thúng lênh đênh giữa dòng.

- Trách nết ăn ở: *Trách* chàng chả dám trách ai, Sao chàng lại *trách* hoa nhài không thơm.

- Trách không cho gặp mặt: *Trách* ai cầm quạt che đèn, Không cho em thấy lạ quen em chào.

- Trách sự lòng gặt trong tình yêu: *Trách* người phơi lúa nóng thừa, Chèo thuyền trên động khéo lừa duyên em; *Trách* người phơi lúa nóng thừa, Chơi hoa mà nở bẻ cành bán rao.

b. Về tác nhân gây ra nỗi nhớ: *Trách* ai đem lửa đốt nguồn, Cho tro bay xuống cho buồn dạ em.

c. Về duyên, phận của mình

Dưới chế độ cũ, người phụ nữ có khi không thể đạt được lòng mong muốn, ước nguyện của mình trong tình duyên nên đành trách duyên số, trách phận hèn. "Phận" là một khái niệm thường dùng trong Phật giáo đã trở thành triết lý để giải thích cho cuộc đời sướng khổ của người con gái, có khi dùng "thân phận". Nhưng khi dùng "phận", ca dao thường nghiêng về số phận không may mắn. Ví dụ: *Phận mỏng cánh chuồn, phận bạc như vôi, phận nghèo, phận hèn; phận liễu bồ, phận hồng nhan, phận đa đoan, phận hẩm duyên ôi; phận bèo mây, phận trôi nổi, phận bèo bọt*. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã dùng khá nhiều tổ hợp có từ *phận* để ví cuộc đời không may mắn của Kiều qua một số cảnh huống cụ thể sau: Đau đớn thay *phận* đàn bà! Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung (1, tr.37); Hoa trôi bèo dạt đã đành, Biết duyên mình biết *phận* mình thế thôi [1, tr.49]; *Phận* sao đành vậy cũng vậy, Cầm như chẳng đổi những ngày còn xanh [1, tr.87]; *Phận* sao *phận* bạc như vôi, Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng (1, tr.93).

Trong ca dao, nhân vật nữ sử dụng hành động *trách* hướng đến nội dung phổ biến nhất là trách phận hèn, hoặc trách tại duyên phận, duyên số: *Trách* hồng nhan vô duyên bạc *phận*, *Duyên* nợ gần sao khôngặng xứng đôi [3, tr.2326]/ *Trách* *duyên* lại giận trăng già, Xe tơ lằm lổ hóa ra chỉ mảnh; *Trách* *duyên* trách số lỡ làng, Cầm gương gương tối, cầm vàng vàng phai [3, tr.2327]

d. Về tác nhân từ phía cha mẹ

Có một nguyên nhân ngăn cản tình yêu đôi lứa đó là trở ngại từ phía cha mẹ. Không phải cha mẹ muốn ngăn cản tình yêu của con cái mà họ xuất phát từ lợi ích của dòng tộc

rồi mới đến lợi ích của gia đình. Theo Trần Ngọc Thêm trong *Cơ sở văn hóa Việt Nam* thì "Việc hôn nhân là của hai người nhưng lại kéo theo việc xác lập quan hệ giữa hai gia tộc. Vì vậy, việc cần làm đầu tiên chưa phải là lựa chọn một cá nhân cụ thể, mà là sự lựa chọn một dòng họ, một gia đình xem cửa nhà hai bên có tương xứng không, có môn đăng hộ đối không. Tiếp theo, đối với cộng đồng gia tộc, hôn nhân là một công cụ duy nhất và thiêng liêng để duy trì dòng dõi và phát triển nguồn nhân lực. Để đáp ứng nhu cầu nhân lực của nghề trồng lúa..." [9, tr.143]. Chính vì thế, trong tình yêu, người con gái không lấy được người như mình mong muốn đã sinh ra oán hận mà trực tiếp chính là oán hận cha mẹ mình.

- Trách cha mẹ mình tính toán sai: *Trách* cha *trách* mẹ em rày, Sinh em sao chẳng lựa ngày mà sinh; *Trách* cha *trách* mẹ muôn phần, Ngồi bên đồng bạc mà cân lấy chì; *Trách* lòng cha mẹ vụng toan, Bông búp chẳng bán để tàn ai mua.

- Trách cha mẹ mình ngăn cấm: *Trách* trời sao lại liu hiu, *Trách* lòng cha mẹ không chiều lòng em.

- Trách về sự cản trở do cha mẹ: *Trách* ai lấp nẻo sông Ngân, Làm cho đôi lứa cố nhân bất đường; *Trách* cha mẹ gắt gỏng thương chút tình, Anh về em nhớ dạng em nhớ hình.

- Trách cha mẹ chàng: *Trách* cha *trách* mẹ nhà chàng, Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau.

3.3.2. Nam trách nữ

Không phải chỉ có nữ trách nam mà ngay cả phía nam cũng trách phía nữ, bởi có khi phía nữ cũng có những sự toan tính, việc làm gây tổn thất đối với bên nam. Có thể gặp lời trách nhiều nhất là thái độ ứng xử của người con gái. Dù nam hay nữ cũng luôn mong muốn đối phương của mình thủy chung.

- Trách người con gái không rõ ràng: *Trách* lòng em bậu đãi đưa, Gạc (gạt) anh dài nắng dầm mưa nhọc nhằn.

- Trách người con gái có nhiều tình nhân: *Trách* người mà ở trên đời, Thủy chung có bấy nhiêu lời không xong, Làm cho lòng lại thẹn lòng, Một sông nước chảy đôi dòng sao đang; Một con chim khôn đôi kẻ bôn, Một người nhan sắc mấy người tình nhân,

- Trách người con gái không phân biệt đúng sai: *Trách* nàng nghe tiếng thị phi, Phụ phàng nhân ngã chẳng vì ái ân.

- Trách về sự cản trở: *Trách* ai làm lở nhịp cầu, Ngày ngày đành để buồn rầu cho anh.

- Trách cha mẹ: Người con trai hay con gái muốn lấy chồng hay vợ đều có cha mẹ hai họ hàng đôi bên đứng ra chứng giám, dạm hỏi, làm lễ cưới, họ không thể tự mình đến với nhau. Cho nên, có khi đôi trai gái yêu nhau nhưng do cha mẹ toan tính, hoặc đánh giá thấp chàng trai nên đã ngăn cản đôi trai gái, vì thế chàng trai trách cha mẹ cô gái: *Trách* cha mẹ nàng ăn ở đảo điên, Để trai anh hùng chịu thảm gái thuyền quyên chịu sầu; *Trách* mẹ với cha chứ anh đây không trách bậu, Cha mẹ tham giàu gả bậu đi xa; *Trách* cha trách mẹ nhà nàng, Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau.

- Trách nữ đi lấy chồng vội: *Trách* trời sao lại mưa đông, Trách em sao vội lấy chồng bỏ anh.

- Trách nữ không cho tiếp xúc: *Trách* ai một chữ vô nghi, Chào anh một tiếng mắt đi đường nào.

3.3.3. *Trách các nguyên nhân khác không quy về được vai nam hay nữ*

- Trách sự không công bằng: *Trách* trời sao ở không cân, Kẻ ăn không hết người lần không ra.

- Trách kẻ giấu mặt ngăn cản tình duyên: *Trách* ai dạ thú lòng lang, Làm cho nên nỗi thiếp chàng rẽ phân; *Trách* ai sao khéo đặt bày, Không dung chi có chuyện này trò kia.

- Trách hủ tục nặng nề: *Trách* ai đặt ra tiệc cưới, Oán ai đặt ra tục cheo, Để cho kẻ khó người nghèo, Yêu nhau chẳng lấy được nhau

- Trách do dự: *Trách* ai trồng chuối giữa đường, Ba bốn lần do dự, chẳng biết thương tàu nào

- Trách tham giàu: *Trách* ai tham phú phụ bần, Tham xa mà bỏ nghĩa gần thuở xưa.

- Trách con gà, con chó (biểu tượng thời gian) là nguyên nhân gây ra sự chia rẽ: *Trách* gà sao vội gáy ta, Chung tình chưa mãn chuông vàng vội rung; *Trách* lòng con chó sủa dai, Năm canh viếng bạn nó nó sủa hoài sáng đêm; *Trách* trời vội rạng đông ra, Không khuya chút nữa hai ta trao lời.

- Trách lãng loàn: *Trách* lòng con nhện lằng loàn, Chỉ bao nhiêu sợi mỗi đànang mỗi giăng.

- Trách ông tơ, bà nguyệt: *Trách* ông tơ cùng bà nguyệt lão, Xe dây vào lại đào dây ra; *Trách* ông tơ ba bảy mươi phần, Dây xe chưa chắc đã lần dây ra; *Trách* ông tơ giận với bà tơ, Noi khấn cầu không mộ nơi thờ ơ buộc vào.

- Trách cha mẹ: *Trách* trời trách mẹ trách cha, Cớ chi lại để đôi ta muộn màng.

4. Một số nhận xét thay lời kết luận

Từ những biểu hiện trên đây, chúng ta thấy rằng vai sử dụng hành động *trách* chủ yếu là nữ, sau đó là nam, hoặc đồng thời là tiếng nói chung của cả nam và nữ. Đây là tiếng nói cất lên từ cõi lòng, nguyện ước của những đôi trai gái trẻ tuổi, những cặp vợ chồng bị lễ giáo của chế độ xưa trói buộc. Họ không thể tự quyết định số phận, cuộc đời, tình yêu của mình. Nhìn từ một phía là do sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến, của xã hội xưa nhưng nhìn từ phía khác là do cơ cấu nền kinh tế của xã hội quy định - nền sản xuất lúa nước. Cá nhân phải đặt lợi ích của cộng đồng, của gia tộc lên trên mới có thể giữ gìn sự tồn tại, sự sống còn của cả cộng đồng, trong đó có bản thân mình. Xã hội xưa có tổ chức, thiết chế riêng để duy trì sự bền vững lâu dài của mình. Tục ngữ có những câu phản ánh tính cộng đồng này: *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ; Một người đứng đànang, cả làng nhắm mắt; Một người xin tương cả phường cùng húp; Một người làm quan cả họ được nhờ; Một người làm bậy, cả họ mang nhờ.* Đến như cái xấu, họ cũng cùng nhau chịu đựng, và vì thế, cái xấu đó không phải là cái xấu nữa: *Nước lụt thì lụt cả làng, Cả làng toét mắt chứ riêng mình em đâu.*

Ca dao là tiếng nói tâm tình của cộng đồng người Việt, trong đó có tâm tình của mỗi cá nhân nên người nào hát lên cũng soi thấy mình trong đó. Tìm hiểu ca dao, chúng ta có

thể nhận ra phép ứng xử, cách sinh hoạt nói năng, nếp nghĩ, nếp cảm, văn hóa của mỗi con người và cộng đồng người Việt trong giao tiếp truyền thống. Cũng chính vì thế, trong ca dao, chúng ta có thể gặp khá nhiều câu chứa động từ ngữ vi, như: *đề nghị, khuyên, than, ước, cầu, mong, cầu mong, tiếc, thề, nguyện, nguyện, hứa, hỏi, bảo, chào, mời, khen, đố, từ chối...* Do dung lượng của bài viết, chúng tôi chưa có dịp trình bày về điều kiện sử dụng và biểu hiện ngữ nghĩa của chúng trong ca dao chứa những động từ nói trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, NXB Nghệ An, 2004.
2. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB Giáo dục, 1993 (lần 1), 1999 (lần 2).
3. Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên), *Kho tàng ca dao người Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1999.
4. Nguyễn Xuân Kính (chủ biên), *Ca dao tình yêu đôi lứa*, Tổng hợp Văn học dân gian Việt Nam, tập 16, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.
5. Vũ Thị Thu Hương, *Ca dao Việt Nam với những lời bình*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007.
6. Triều Nguyên, *Bình giải ca dao*, NXB Thuận Hóa, Huế, 2001.
7. Triều Nguyên, *Tiếp cận ca dao bằng phương pháp xâu chuỗi*, NXB Thuận Hóa, Huế, 2003.
8. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 1999.
9. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.
10. Hoàng Tiến Tựu, *Bình giảng ca dao*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.